TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 433/2017/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 518/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa những người yêu cầu:

Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1957.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Phố X, phường T, quận B, thành phố H.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1957.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: phố X, phường B, quận B, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND quận H, thành phố H chứng nhận kết hôn ngày 29/11/1982. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn căng thẳng nhất anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2010 đến nay. Nay anh L, chị H cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Về con chung: Anh L, chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Thu H (sinh ngày 19/4/1983) và Phạm Thu T (sinh ngày 05/11/1989). Hai con chung của anh chị đã trưởng thành và có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (*động sản và bất động sản*): Anh L, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Nợ: Anh L, chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L, chị H mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm thay cả phần của anh L. Chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007653 ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-THA quận B;
- UBND quận H, thành phố H;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Nhung